TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **74**/2023/DS-ST*
Ngày 21 tháng 8 năm 2023
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Thanh Trà và ông Nguyễn Xuân Tùng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Quỳnh Trang – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**. (Ghi tắt là Ngân hàng)

Trụ sở chính: Đường N, phường V, quận X, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn N. Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ. (Theo Giấy ủy quyền số 144/2023/UQ-CNĐN ngày 12/04/2023 của Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng. Địa chỉ: Đường B, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, ông Nam có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Hồng P**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Đường H, phường N, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2023, các Bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S trình bày:

- Ngày 09/06/2018, bà Lê Thị Hồng P có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).
- Căn cứ thu nhập của bà P, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân.
- Sau khi được cấp tín dụng bà P đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là

125.058.290 đồng.

- Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 20/10/2022, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 129.705.064 đồng. Trong đó: Phí trễ hạn: 948.262 đồng, lãi: 31.134.097 đồng, phí vượt hạn mức: 650.000 đồng, phí khác: 747.500 đồng và thanh toán gốc 96.225.205 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).
- Ngày 22/10/2022, bà P trễ hạn thanh toán thẻ, dư nợ gốc 28.833.085 đồng. Từ ngày 22/10/2022 đến ngày 22/02/2023, thẻ tín dụng của bà P phát sinh: Phí trễ hạn 722.960.; phí 100.000 đồng, lãi phát sinh 3.392.324 đồng
- Đến ngày 23/02/2023, bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà P và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).
- Tính đến ngày 21/08/2023, bà P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 41.229.743 đồng, gồm: Dư nợ: 33.048.369 đồng, (Trong đó: Dư nợ gốc: 28.833.085 đồng; Phí trễ hạn: 722.960 đồng, phí 100.000 đồng; lãi 3.392.324 đồng) và Lãi quá hạn: 8.181.374 đồng

Lãi suất trong hạn : 2.50%/tháng

Lãi suất quá hạn : 3.75%/tháng (2.50%x150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà P có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà P vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng.

- Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:
- Buộc bà Lê Thị Hồng P phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/8/2023 là 41.229.743 đồng, gồm: Dư nợ: 33.048.369 đồng, (Trong đó: Dư nợ gốc: 28.833.085 đồng; Phí trễ hạn: 722.960 đồng, phí 100.000 đồng; lãi 3.392.324 đồng) và Lãi quá hạn: 8.181.374 đồng
- - Buộc bà Lê Thị Hồng P phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/08/2023 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Hồng P vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung có tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn – bà Lê Thị Hồng P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP S, buộc bị đơn – bà Lê Thị Hồng P phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký kết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là bà Lê Thị Hồng P vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của các Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 09/06/2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, do hai bên tự nguyện giao kết nên các hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký, Ngân hàng đã cấp Thẻ tín dụng hạn mức 30.000.000 đồng cho bà Lê Thị Hồng P.

- Về phía bà Lê Thị Hồng P, sau khi được cấp tín dụng bà P đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 125.058.290 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ đến ngày 20/10/2022, bà P đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 129.705.064 đồng. Trong đó: Phí trễ hạn: 948.262 đồng, lãi: 31.134.097 đồng, phí vượt hạn mức: 650.000 đồng, phí khác: 747.500 đồng và thanh toán gốc 96.225.205 đồng.

- Từ ngày 23/02/2023 đến nay, bà P không thanh toán nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng thời hạn cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Như vậy, bà P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ hàng tháng quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tại phiên tòa, Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn – bà Lê Thị Hồng P phải trả ngay cho

Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/08/2023 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/06/2018 là 41.229.743 đồng, gồm: Dư nợ: 33.048.369 đồng, (Trong đó: Dư nợ gốc: 28.833.085 đồng; Phí trễ hạn: 722.960 đồng, phí 100.000 đồng; lãi 3.392.324 đồng) và Lãi quá hạn: 8.181.374 đồng;; Buộc bà Lê Thị Hồng P phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/08/2023 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký là có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật tại các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự và Án lệ số 08/2016/AL chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn bà Lê Thị Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 463, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP S đối với bà Lê Thị Hồng P.

Xử:

- **1**. Buộc bà Lê Thị Hồng P phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/08/2023 theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 09/06/2018 là 41.229.743 đồng, trong đó: Dư nợ là 33.048.369 đồng và lãi quá hạn là 8.181.374 đồng.

Buộc bà Lê Thị Hồng P phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/08/2023 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Lê Thị Hồng P phải chịu là 2.061.487 đồng.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 881.056 đồng đã nộp theo biên lai thu số 7386 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Q. Hải Châu;*
- *Chi cục THADS Q. Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Minh Thông